TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2022
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2/. Ông Nguyễn Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 257/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn H quen biết nhau tìm hiểu khoảng hơn một năm thì tổ chức đám cưới và có kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2009 ngày 15/7/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi sống tại Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng tôi sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, chồng tôi không biết quan tâm chia sẻ mà thường xuyên uống rượu, bia về kiếm

chuyện gây sự, đánh tôi nhiều lần làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tôi nhiều lần khuyên chồng thay đổi tính tình để lo cho con nhưng chồng tôi không thay đổi mà làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Gia đình hai bên có tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả và chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Từ lúc ly thân, tôi và anh H cũng không liên lạc gì với nhau. Hiện tại mâu thuẫn gia đình tôi đã đến mức trầm trọng nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/12/2009 và Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 28/01/2012. Từ trước đến nay hai con chung do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị Tcó đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Chị T, anh Hcó đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hcó đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp E, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Tvà anh Hkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79, quyển số 01/2009 ngày 15/7/2009 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh H là do tính tình không hợp nhau, anh Hkhông biết quan tâm chia sẻ mà thường xuyên uống rượu, bia về kiếm chuyện gây sự đánh chị Tnhiều lần làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T nhiều lần khuyên anh H thay đổi tính tình để lo cho con nhưng không có kết quả làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Chị T và anh H đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án chị Tvẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H. Anh Hmặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ

Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Chị Tvà anh Hđã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không còn liên lạc với nhau, không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ anh Hvà chị Tđã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của chị Tlà có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh H có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 28/01/2012. Ly hôn, chị Tyêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, từ lúc anh H và chị T ly thân đến nay cháu Tr và cháu L do chị Ttrực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai ngày 18/4/2022 cháu Tr và cháu L cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị T. Vì vậy, để đảm bảo môi trường sống ổn định của hai con chung cần tiếp tục giao cháu Trvà cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Tphải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bạch T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bạch T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh ngày 26/12/2009 và cháu Nguyễn Thị Thùy L, sinh ngày 28/01/2012 cho chị Ttrực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0016124 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên chị T đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bạch T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Giang